TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **590**/2025/DS-PT
Ngày: 16/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Lâm Đồng;

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình;

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2025/TLPT-DS ngày 27/6/2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực M - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 520/2025/QĐ-PT ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Xuân N; Sinh ngày 02/9/1958; Địa chỉ: Số D, Nguyễn Văn L, khu vực Bình Phó A, phường A, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số D, Nguyễn Văn L, khu vực Bình Phó A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ). (có mặt)

** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Xuân N:* Ông Trần Văn B; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Số B, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số B, khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ); là người đại diện theo uỷ quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 04/11/2024. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đường Huệ H; Sinh ngày 03/3/1975. Địa chỉ: Số G, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số G, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ). Địa chỉ liên hệ: Số 56/1/14, H, phường N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số 56/1/14, H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ). (có mặt)

** Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đường Huệ H:*

+ Ông Trần Văn T; Sinh năm 1967; Địa chỉ: Số A, đường L, phường C, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số A, đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ) là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 26/3/2025. (có mặt, vắng mặt khi tuyên án)

+ Ông Nguyễn Văn T1; Sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A, đường N, phường N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số A, đường N, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ) là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 26/3/2025. (có mặt, vắng mặt khi tuyên án)

+ Ông Trần Ngọc G; Sinh ngày 19/3/1978; Nơi cư trú: Số D, Lô B, Chung cư N, Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền ngày 26/8/2025. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Tiêu Xuân Văn L1; Sinh ngày 01/01/1976; Địa chỉ: Số G, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số G, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ). (có mặt)

2. Ông Phùng Vĩ Â; Sinh ngày 06/8/1968; Địa chỉ: Số A, đường P, phường N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số A, đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ). (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Thanh N1; Sinh ngày 24/10/1970; Địa chỉ: Số G, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số G, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ). (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Đường Huệ H là bị đơn và bà Trần Xuân N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:*

Do quen biết với bà H nên khi bà H cần tiền làm ăn, bà N đã cho bà H mượn số tiền 500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 18/12/2023 với lãi suất 2%/tháng và số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản được Văn phòng công chứng Đỗ Thị H1 chứng nhận số 2004, ngày 20/12/2023. Theo nội dung giấy mượn tiền ngày 18/12/2023, bà H cam kết khi bán được căn nhà số G, H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ, sẽ trả đủ cho bà N số tiền đã mượn nhưng bà H chỉ trả cho bà N số tiền 170.000.000 đồng. Bà H không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho bà N theo giấy mượn tiền và hợp đồng vay tài sản. Tại phiên hòa giải ngày 17/3/2025 bà N xác nhận bà H đã trả số tiền 200.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn bà Đường H2 H phải trả cho bà Trần Xuân N số tiền 800.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bà H mượn tiền của bà N thể hiện bằng giấy mượn tiền ngày 18/12/2023 số tiền 500.000.000 đồng và hợp

đồng vay tài sản ngày 20/12/2023 số tiền 500.000.000 đồng. Bà H thừa nhận là người viết giấy mượn tiền và ký hợp đồng vay tiền tại văn phòng công chứng. Đối với giấy mượn tiền bà H xác nhận đã nhận đủ 500.000.000 đồng hẹn khi bán được nhà sẽ trả cho bà N. Khi bà N giao tiền 500.000.000 đồng cho bà H rồi hai bên mới ra công chứng ký hợp đồng vay tài sản ngày 20/12/2023. Bà N xác nhận tài khoản zalo do bà H cung cấp trong hồ sơ vụ án là của bà N. Trong quá trình vay bà H có chuyển khoản trả cho bà N 200.000.000 đồng, bà N đồng ý trừ vào nợ gốc.

** Theo Đơn phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày như sau:*

Buộc nguyên đơn bà N trả cho bị đơn bà H tổng số tiền 450.000.000 đồng gồm tiền bà H đi mượn giùm cho bà N là 250.000.000 đồng tiền mặt và 200.000.000 đồng tiền bà H chuyển khoản cho bà N. Yêu cầu hủy 01 biên nhận viết tay ngày 18/12/2023 nợ bà Trần Xuân N số tiền 500.000.000 đồng và 01 hợp đồng vay tài sản bị đơn ký ngày 20/12/2023 với bà Trần Xuân N tại Văn phòng công chứng Đỗ Thị H1 số tiền vay 500.000.000 đồng vì bà H không có nhận tiền.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng năm 2023, bà H có nhờ bà N môi giới bán căn nhà của cha mẹ bà H tại số G, H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà H và bà N thỏa thuận khi bà H bán được căn nhà trên thì bà H sẽ gửi cho bà N 1% hoa hồng trên số tiền bán nhà. Bà H cần số tiền 500.000.000 đồng để trả nợ và mua máy móc sản xuất. Bà N ngỏ ý sẽ cho bà H mượn tiền. Bà N muốn vay ngân hàng số tiền 4.000.000.000 đồng và sẽ vay thêm để cho bà H mượn. Bà N nói cần phải bỏ ra chi phí cho người làm hồ sơ vay, người thẩm định, văn phòng công chứng,…. Bà N yêu cầu bà H viết giấy mượn tiền ngày 18/12/2023 nợ bà N số tiền 500.000.000 đồng tại quán nước số A, P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ và vài ngày sau bà N sẽ giao tiền cho bà H. Bà H nghe theo yêu cầu của bà N nên đã viết giấy tay vay bà N số tiền 500.000.000 đồng. Sau đó, bà N nói giấy tay bà H viết không đủ ý nên bà N hẹn bà H đến cửa hàng T2 trên đường T, phường A, quận N yêu cầu bà H viết lại giấy tay cho đủ ý, khi nào ngân hàng giải ngân bà N sẽ giao tiền cho bà H.

Ngày 20/12/2023, bà N yêu cầu bà H ra Văn phòng công chứng Đỗ Thị H1 tại số B, N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ để công chứng số tiền 500.000.000 đồng vì bà N cho rằng giấy viết tay không hợp lệ, khi ngân hàng giải ngân thì bà N sẽ cho bà H mượn tiền bằng hình thức chuyển khoản. Bà H đồng ý ký hợp đồng vay tiền nhưng bà N không có đưa số tiền 500.000.000 đồng.

Bà H có giao tiền mặt cho bà N số tiền 50.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 đồng. Bà N mượn thêm số tiền 30.000.000 đồng, ngày 07/02/2024 bà N mượn thêm 20.000.000 đồng. Ngày 18/02/2024, bà N mượn thêm 5.000.000 đồng. Ngày 20/02/2024, bà N yêu cầu bà H chuyển khoản cho mượn số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 01/3/2024 bà N yêu cầu bà H chuyển khoản cho bà N số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 02/3/2024, bà H chưa thấy bà N chuyển khoản cho bà H mượn tiền thì bà N nói ngân hàng không cho vay. Bà N không chuyển khoản trả nợ cho bà H và không cho bà H mượn số tiền 500.000.000 đồng.

Bà H yêu cầu bà N trả cho bà H tổng số tiền 450.000.000 đồng gồm số tiền bà H đi mượn cho bà N tiền mặt là 250.000.000 đồng và tiền bà H đã chuyển khoản cho bà N 200.000.000 đồng. Bà N hẹn bà H khoảng tháng sau thì bà N sẽ trả nợ và đồng thời hủy 02 tờ giấy mượn tiền viết tay và công chứng. Ngày 01/4/2024, bà H có gọi điện yêu cầu bà N trả tiền và bà N khẳng định bà H chỉ nợ bà N 500.000.000 đồng.

* Vụ án được Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực M - Cần Thơ) thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực M - Cần Thơ) quyết định:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Xuân N. Buộc bị đơn bà Đường Huệ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Xuân N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/4/2025 là 346.426.000 đồng.

Bị đơn bà Đường Huệ H phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 25/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Xuân N. Buộc bị đơn bà Đường Huệ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Xuân N số tiền gốc 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản ngày 20/12/2023 ký tại Văn phòng C.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đường Huệ H. Nguyên đơn bà Trần Xuân N đã trừ vào nợ gốc cho bị đơn bà Đường Huệ H số tiền chuyển khoản 200.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đường Huệ H. Buộc bà Trần Xuân N trả cho bị đơn bà Đường H2 Hàn số tiền mặt 250.000.000 đồng. Yêu cầu hủy 01 biên nhận viết tay ngày 18/12/2023 nợ bà Trần Xuân N số tiền 500.000.000 đồng và hợp đồng vay tài sản ngày 20/12/2023 tại Văn phòng C số tiền 500.000.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 08/5/2025, bị đơn bà Đường H2 Hàn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2025/DS-ST, ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực M – Cần Thơ) theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà với nội dung:

- Bà không chấp nhận khoản nợ bà N cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo giấy tờ mà bà N đã nộp vào ngày 18/12/2023 vì bị đơn không nhận tiền từ bà Trần Xuân N.

- Nguyên đơn bà N đã nhận của bị đơn 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) bằng tiền mặt, có sự làm chứng của 2 người làm chứng là ông Phùng Vi N2 và bà Nguyễn Thị Thanh N1.

- Bà không chấp nhận trả cho nguyên đơn bà Trần Xuân N số tiền gốc và tiền lãi 346.426.000 đồng. (Bằng chữ: ba trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

* Ngày 09/5/2025, nguyên đơn bà Trần Xuân N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2025/DS-ST, ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực M – Cần Thơ) theo hướng buộc bà Đường H2 H trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi bà H thánh toán xong nợ cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Xuân N và bị đơn bà Đường H2 hàn là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Xuân N, bị đơn bà Đường Huệ H và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đường H2 Hàn lập, nộp vào cùng ngày 08/5/2025 và đơn kháng cáo nguyên đơn bà Trần Xuân N lập, nộp cùng ngày 09/5/2025 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng

cáo theo quy định tại các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, nguyên đơn bà N theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đường Huệ H, về việc bà không chấp nhận khoản nợ vay 500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 18/12/2023 vì bà không nhận tiền từ nguyên đơn bà N. Xét thấy, "Giấy mượn tiền ngày 18/12/2023" nội dung trong giấy thể hiện rõ việc bà H vay của bà N số tiền 500.000.000 đồng trong thời hạn 24 tháng, từ ngày 18/12/2023 đến 18/12/2025, với lãi suất 2%/tháng, tương đương 10.000.000 đồng/tháng. Bà H đã cam kết hoàn trả tiền lãi hàng tháng và trả đủ gốc đúng hẹn, đồng thời còn cam kết cụ thể sẽ trả đủ cho bà N ngay khi bán được căn nhà tại số G, H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà H thừa nhận mình là người viết và ký tên vào giấy mượn tiền, đồng thời tại thời điểm bà H viết và ký giấy mượn tiền thì bà H hoàn toàn minh mẫn, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và nhận thức rõ đây là một hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy bà H cho rằng bà không có nhận tiền của bà N nhưng trong nội dung giấy vay tiền đã ghi rất rõ "Tôi Đường Huệ H đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng mượn của bà N" điều này thể hiện bà N đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho bà H. Còn bà H cho rằng bà không có nhận tiền từ bà N nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh để chứng minh lời trình bày của mình là có cơ sở. Do đó, kháng cáo này của bị đơn bà H là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo bị đơn bà Đường Huệ H cho rằng bà N đã nhận của bị đơn số tiền 250.000.000 đồng. Xét thấy, theo nguyên tắc của pháp luật tố tụng dân sự, nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình thuộc về người đưa ra yêu cầu đó. Trong trường hợp này, bà H phải cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà đã giao số tiền 250.000.000 đồng cho bà N. Tuy nhiên, các tài liệu và lời khai mà bà H đưa ra hoàn toàn không đủ cơ sở. Cụ thể, các giấy biên nhận vay tiền của bà N1 hay ông Â chỉ chứng minh được rằng bà H có vay tiền từ những người này, không chứng minh rằng là bà H đã dùng số tiền đó để đưa cho bà N. Lời khai của các nhân chứng cũng thể hiện điều đó bằng việc bà N1 đã xác nhận không chứng kiến việc giao tiền, còn lời khai của ông Â thì mâu thuẫn, không nhất quán khi chỉ xác nhận chứng kiến 100.000.000 đồng nhưng lại không nhớ rõ thời gian, và không chứng kiến 100.000.000 đồng còn lại. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N luôn giữ nguyên lời khai phủ nhận việc nhận tiền. Do bà H không thể cung cấp được bất kỳ chứng cứ trực tiếp, hợp lệ nào (như giấy biên nhận, sao kê chuyển khoản.....) để chứng minh cho yêu cầu của mình là cơ sở, nên Tòa án cấp sơ thẩm bác bỏ yêu cầu này của bà H là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo này của bị đơn không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo bị đơn không chấp nhận trả cho nguyên đơn bà Trần Xuân N số tiền gốc và tiền lãi 346.426.000 đồng. Xét như đã phân tích ở mục [2] Tòa án đã xác định nghĩa vụ trả nợ của bị đơn dựa trên "giấy mượn tiền ngày 18/12/2023", trong đó chính bị đơn đã xác nhận có mượn số tiền 500.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền. Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã xem xét và ghi nhận việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu

của nguyên đơn về việc trừ số tiền này vào nợ gốc. Do đó, số tiền gốc còn lại chỉ là 300.000.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định lãi suất 1,67%/tháng, mức này không vượt quá 20%/năm theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời có lợi hơn cho bị đơn so với mức lãi suất 2%/tháng được các bên thỏa thuận. Về thời gian tính lãi, Tòa án sơ thẩm chỉ tính từ ngày 16/7/2024 (ngày nguyên đơn khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm, thay vì từ ngày 01/3/2024 như nguyên đơn yêu cầu, qua đó đã giảm đáng kể số tiền lãi mà bị đơn phải chịu. Ngoài ra, Tòa án chỉ tính lãi trên số nợ gốc còn lại 300.000.000 đồng và chỉ chấp nhận số tiền lãi 46.426.000 đồng, bác bỏ phần lớn yêu cầu của nguyên đơn về khoản lãi 137.814.000 đồng. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền lãi nêu trên là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Xuân N yêu cầu buộc bị đơn bà Đường Huệ H phải trả toàn bộ số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản lập ngày 20/12/2023 tại Văn phòng C có ghi nhận số tiền vay 500.000.000 đồng, song việc giao nhận tiền được các bên tự thỏa thuận ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Bà N không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thực tế đã giao số tiền 500.000.000 đồng cho bà H theo hợp đồng này. Trong khi đó, tại giấy mượn tiền ngày 18/12/2023, bà H đã thừa nhận viết giấy và ghi rõ nội dung đã nhận đủ 500.000.000 đồng từ bà N. Tin nhắn do chính bà N xác nhận cũng thể hiện rõ việc ký kết hợp đồng công chứng ngày 20/12/2023 chỉ nhằm hợp thức hóa về hình thức cho khoản vay trước đó, chứ không phát sinh thêm việc giao nhận tiền mới. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa các bên chỉ tồn tại một khoản vay 500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 18/12/2023. Bà H đã thanh toán 200.000.000 đồng, nên nghĩa vụ gốc còn lại chỉ là 300.000.000 đồng. Do không chứng minh được việc giao thêm 500.000.000 đồng theo hợp đồng công chứng ngày 20/12/2023, yêu cầu kháng cáo của bà N buộc bị đơn phải trả thêm khoản tiền này và tính lãi trên đó là hoàn toàn không có cơ sở pháp luật để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Xuân N, bị đơn bà Đường Huệ H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có sai sót trong việc ghi chép tại bản án sơ thẩm. Cụ thể, bị đơn bà Đường Huệ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Xuân N số tiền gốc và lãi là 346.426.000 đồng. Do có lỗi đánh máy, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhầm số án phí mà bà H phải chịu cho khoản tiền này là 17.321.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đính chính lại, xác định số án phí đúng mà bà H phải chịu là 17.321.300 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 2 Luật Người cao tuổi

năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của bị đơn bà H không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn bà X tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà N được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đường Huệ H và nguyên đơn bà Trần Xuân N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2025/DS-ST, ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực M – Cần Thơ) cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Xuân N. Buộc bị đơn bà Đường Huệ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Xuân N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/4/2025 là 346.426.000 đồng.

Bị đơn bà Đường Huệ H phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 25/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Xuân N. Buộc bị đơn bà Đường Huệ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Xuân N số tiền gốc 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản ngày 20/12/2023 ký tại Văn phòng C.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đường Huệ H. Nguyên đơn bà Trần Xuân N đã trừ vào nợ gốc cho bị đơn bà Đường Huệ H số tiền chuyển khoản 200.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đường Huệ H. Buộc bà Trần Xuân N trả cho bị đơn bà Đường H2 Hàn số tiền mặt 250.000.000 đồng. Yêu cầu hủy 01 biên nhận viết tay ngày 18/12/2023 nợ bà Trần Xuân N số tiền 500.000.000 đồng và hợp đồng vay tài sản ngày 20/12/2023 tại Văn phòng C số tiền 500.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Đường Huệ H phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 17.321.300 đồng (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi mốt ngàn ba trăm đồng) và phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) theo biên lại thu số 0005586 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực M – thành phố Cần Thơ) đã thu. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là 18.821.300 đồng (Mười tám triệu tám trăm hai mươi mốt ngàn ba trăm đồng).

Nguyên đơn bà Trần Xuân N được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn bà Đường Huệ H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006265 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực M - thành phố Cần Thơ).

- Nguyên đơn bà Trần Xuân N được miễn án phí.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND khu vực M-Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực M – Tp.Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Lâm Đồng